

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2022/DS-PT

Ngày: 30/9/2022

V/v tranh chấp đòi di sản thừa kế và
đòi quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyên;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu Trúc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp đòi di sản thừa kế và đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Hồng Y, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Phạm Ngọc D, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà C ấp X, xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018.

2. *Bị đơn:* Lê Trung H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Lê Thị Kim L sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Lê Thị Ngọc S sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Lê Quốc H, sinh ngày 27/5/2010;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Lê Quốc H: Lê Thị Ngọc S sinh năm 1974; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; là người đại diện theo pháp luật.

3.4. Lê Văn M, sinh năm 1977 ;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 ;

Địa chỉ: ấp B, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Lê Thị Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số nhà D ấp L, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3.7. Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Nguyễn Chí C, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Nguyễn Nhật T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.10. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

** Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Kim L, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thị Thanh T:* Lê Thị Hồng Y, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ; là người đại diện theo ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày ...

3.11. Lê Thị Kim V, sinh năm 1946;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.12. Đoàn Thị K, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.13. Lê Trung H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.14. Lê Thị Kiều D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.15. Võ Thị H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3.16. Lê Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số nhà E Dương Bá T, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người đại diện theo ủy quyền của Đoàn Thị K, Lê Thị Kiều D, Võ Thị H*

và Lê Thị H: Lê Trung H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Theo các văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018 và ngày 10/6/2020)

3.17. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: ấp Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Văn Bé Hai, chức vụ: Chủ tịch.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn Lê Thị Hồng Y.

(Ông Phạm Ngọc D, bà Lê Thị Hồng Y, bà Lê Thị Kim L, ông Lê Trung H, ông Lê Trung H1 có mặt; những đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Y trình bày:*

Chị Y là con của ông Lê Văn S đã chết ngày 22/4/1996 và bà Nguyễn Thị B đã chết ngày 08/02/2000. Ông S và bà B chung sống có 04 người con gồm Chị Y, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc S và chị Lê Thị Kim L. Ngoài ra, trước khi chung sống với Ông S, mẹ Chị Y chung sống với ông Nguyễn Văn B (đã chết năm 1968) có 03 người con gồm ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn A (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị Tuyết M, con là Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Chí C). Trước khi chung sống với bà B, ông Lê Văn S chung sống với bà Huỳnh Thị H (sinh năm 1921, chết năm 2008) có 01 người con là bà Lê Thị Kim V. Cha của Ông S là ông Lê Văn N (chết năm 1945), mẹ Ông S là bà Phạm Thị H (chết năm 1971). Cha của bà B là ông Nguyễn Văn H (chết năm 1945), mẹ là bà Nguyễn Thị H (chết năm 1988).

Vào năm 1961, do chiến tranh nên lính đưa cha mẹ Chị Y cùng nhiều hộ dân khác đến phân đất tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang sống tránh chiến tranh. Cha mẹ Chị Y cải tạo, quản lý và sử dụng phần đất này cho đến nay. Trước đây, phần đất này khoảng hơn 200m², sau đó nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A nên phần đất này hiện nay còn 186,4m². Khi ở, không biết nguồn gốc đất này là của ai. Quá trình sử dụng cũng không ai tranh chấp gì. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Ông S, bà B ở trên đất, đóng thuế với nhà nước mà không đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi Ông S, bà B chết, đến tháng 8/2018, các con Ông S, bà B đi kê khai đăng ký nhưng Ủy ban nhân dân xã Long Định huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang trả lời phần đất này đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Trung H nên không cấp giấy đất cho Chị Y được.

Nay, Chị Y yêu cầu Tòa án xác định phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 186,4m² đất thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà

Nguyễn Thị B nên yêu cầu công nhận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông S, bà B được quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

** Bị đơn ông Lê Trung H (sau đây gọi chung là ông Lê Trung H) trình bày:*

Thửa đất số 885 có nguồn gốc của ông bà ông để lại cho cha mẹ ông, cha mẹ ông cho anh ruột ông là Lê Văn D và ông D cho lại cho ông cất nhà ở và sử dụng từ năm 1981 đến nay. Phần đất này ông đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415QSDĐ/329 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/6/2001 cho hộ gia đình ông đứng tên chủ sử dụng đất.

Trước đó, khi ông D còn quản lý, sử dụng đất, gia đình Ông S, bà B đã tự ý chiếm đất cất nhà ở hiện trạng như hiện nay. Khi ông D còn quản lý đất và sau này ông quản lý, anh em ông nhiều lần yêu cầu gia đình Ông S, bà B di dời nhà đi nơi khác trả đất cho gia đình ông nhưng Ông S, bà B xin ở thêm thời gian để đi tìm nơi khác ở sẽ trả đất lại nhưng đến nay chưa trả lại đất.

Khi đăng ký kê khai với nhà nước, gia đình ông đều có nói cho gia đình Ông S biết, nhưng họ không ý kiến gì. Việc gia đình Ông S đóng thuế với nhà nước là đóng quỹ an ninh quốc phòng và thuế nhà ở chứ phần đất do ông đóng. Việc gia đình ông cho gia đình anh Lê Văn M nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vì lúc đó anh Mai xin gia đình ông cho gia đình anh Mai được nhận tiền, ông thấy hoàn cảnh gia đình anh Mai khó khăn nên để gia đình anh Mai nhận tiền chứ không phải giao đất cho gia đình anh Mai.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông và các thành viên trong gia đình ông không đồng ý vì phần này là của gia đình ông. Ông phản tố yêu cầu Chị Y và các thành viên trong hộ gia đình Chị Y phải di dời nhà trả lại phần đất này cho ông. Ông đồng ý hỗ trợ tiền di dời cho gia đình Chị Y là 50.000.000đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn M, Lê Thị Kim L, Lê Thị Ngọc S, Lê Thị Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Chí C, Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* thống nhất lời trình bày của Lê Thị Hồng Y, không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn B (đã chết khoảng năm 1968) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1943, chết năm 2000). Cha mẹ ông chung sống có 03 người con gồm ông, bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn A. Ông Ấu chết có vợ (ông không biết họ tên cụ thể) hiện sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và con gồm Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Nhật T và Nguyễn Công Đ (ông không biết trên chính xác). Do từ trước năm 1975, ông sống cùng bà nội ông tại xã Dường Diềm nên ông không biết gì về nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa chị Lê Thị

Hồng Y và ông Lê Trung H tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của các đương sự, ông không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim V trình bày:* Bà là con ruột duy nhất của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị H. Khi còn sống chung, cha mẹ bà sinh sống tại ấp Bình Hòa A, xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khi bà khoảng 10 tuổi thì cha mẹ bà không còn sống chung với nhau nữa. Ông S sống với người phụ nữ khác ở xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ đó, bà và mẹ bà không còn liên lạc với Ông S cho đến khi Ông S mất vào năm 1996. Do đó, đối với tài sản mà các đương sự tranh chấp trong vụ án này tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bà không biết về nguồn gốc tài sản, bà cũng không có ý kiến về nội dung tranh chấp, không có yêu cầu gì và bà xin từ chối nhận thừa kế di sản do Ông S để lại trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị K, Võ Thị H, Lê Trung H1, Lê Thị Kiều D và Lê Thị H trình bày như sau:* thống nhất với lời trình bày của ông H, không có ý kiến gì khác.

** Tại Công văn số 2706/UBND-TD ngày 22 tháng 11 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày:*

Theo mục kê 299, phần đất đang tranh chấp nằm trên 02 thửa đất gồm 01 phần của thửa số 08, diện tích 7.562m² loại đất thổ cư, chủ sử dụng đất là khu bao và 01 phần thửa số 442a diện tích 5.000m² chủ sử dụng là Lê Văn D.

Theo hồ sơ bản đồ tỉ lệ 1/5.000 phần đất đang tranh chấp là 01 phần của thửa số 885, tờ bản đồ số 03 diện tích 2.337m², loại đất T+Q được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415 ngày 11/6/2001 cho ông Lê Trung H đứng tên.

Theo ông Lê Trung H: Nguồn gốc đất là của ông Lê Văn Thảo là cha ông Lê Trung H tạo lập. Năm 1970 – 1972, cha mẹ ông H cho ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị B cùng một số hộ dân khác ở nhờ để trốn chiến tranh và họ có hứa sau khi kết thúc chiến tranh sẽ trả lại. Việc cho mượn đất không có làm giấy tờ gì. Sau chiến tranh một số hộ như Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thanh Hùng, bà Tư Bé ... đã tháo gỡ nhà về quê sinh sống và trả lại đất cho gia đình ông, chỉ còn gia đình Ông S và bà B chưa trả đất. Sau năm 1975, cha mẹ ông H chia thửa đất này cho anh ông H là ông Lê Văn D. Đến năm 1982, ông D tặng cho ông H phần đất này. Ông H sử dụng đến ngày 17/4/1997 thì đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Long Định, Phòng Đại chính huyện đề xuất Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415 ngày 11/6/2001. Theo ông H, quá trình ông đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn toàn không có khiếu nại, tranh chấp. Nay, theo yêu cầu của bà Yến và các

đồng thừa kế của Ông S, bà B ông H không đồng ý. Tuy nhiên, nếu bà Lê Thị Hồng Y và các đồng thừa kế của Ông S, bà B đồng ý tháo dỡ nhà trả lại đất cho gia đình ông H, ông H sẽ hỗ trợ chi phí di dời là 10.000.000đồng.

Theo ông Lê Văn M: Phần đất diện tích 195,75m² (14,5m x 13,5m) do cha, mẹ anh Lê Văn M là ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị B ngụ ấp Hưng Phú, xã Hưng Thạnh, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Phước) sử dụng từ năm 1961. Nguồn gốc đất do chế độ cũ cho ở trốn chiến tranh, việc cho ở như các hộ dân khác hoàn toàn không có giấy tờ gì, không có ghi diện tích và kích thước là bao nhiêu. Trong quá trình sử dụng gia đình anh Mai hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản đóng góp cho nhà nước liên tục cho đến nay. Năm 1994, mở rộng Quốc lộ 1A gia đình anh Mai di dời lều quán diện tích 14,21m² và cây trồng được nhà nước đền bù 1.167.000đồng. Năm 2005, Nhà nước tiếp tục mở rộng Quốc lộ 1A đã bồi thường cho gia đình anh Mai diện tích 44m² với số tiền bồi thường là 5.395.000đồng theo biên bản ngày 27/02/2005. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 01/01/2008 bồi thường bổ sung cho gia đình anh Mai 4.950.000đồng. Trong quá trình lập hồ sơ bồi thường, gia đình ông H không có khiếu nại, tranh chấp số tiền nêu trên. Năm 1996, Ông S chết, năm 2000, bà B chết. Các anh chị em trong gia đình tiếp tục sử dụng cho đến nay và hoàn thành nghĩa vụ thuế, lệ phí và các khoản đóng góp cho Nhà nước. Khi được hỏi vì sao trong quá trình ông H kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình anh Mai không khiếu nại, thắc mắc thì anh Mai cho rằng gia đình anh Mai không biết ông H đăng ký luôn cả phần đất của gia đình anh Mai đang quản lý sử dụng.

Như vậy, Chị Y và các đồng thừa kế của Ông S, bà B yêu cầu công nhận phần đất diện tích 14,5m x 13,5m là có cơ sở bởi họ sử dụng liên tục ít nhất từ năm 1970 đến nay và hoàn thành nghĩa vụ thuế, lệ phí cũng như các khoản đóng góp do nhà nước quy định. Trong quá trình mở rộng Quốc lộ 1A gia đình anh Mai được nhà nước bồi thường 02 lần vào năm 1994 và năm 2005 đến 2008 bồi thường bổ sung nhưng không có ai khiếu nại, tranh chấp. Ngoài phần nhà, đất đang sử dụng để thờ cúng Ông S, bà B gia đình anh Mai không còn phần đất nào khác.

Ông H cho rằng ông H có đầy đủ giấy tờ hợp lệ và nguồn gốc đất rõ ràng do cha mẹ cho anh ruột sau đó anh ruột tặng cho ông H và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình kê khai, đăng ký hoàn toàn không có khiếu nại thắc mắc. Ông H cho rằng trước đây cha mẹ ông H cho nhiều người mượn đất cất nhà ở trốn chiến tranh, sau năm 1975 họ tự tháo dỡ trả lại đất cho ông H mà không đòi hỏi gì. Nay nếu gia đình Chị Y tự tháo dỡ, ông H tự nguyện hỗ trợ số tiền 10.000.000đồng.

Tóm lại, nguồn gốc đất do lịch sử chiến tranh để lại rất phức tạp, hai bên đều có lý lẽ riêng của mình. Vì vậy, Ủy ban nhân dân đề nghị Tòa án nhân dân huyện trên cơ sở chứng cứ do hai bên cung cấp mà xét xử theo quy định của pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện sẽ phối hợp tổ chức thực hiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 303/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 166 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Y đối với yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 186,4m² đất thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị B nên yêu cầu công nhận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Trung H.

Buộc chị Lê Thị Hồng Y, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Ngọc S và cháu Lê Quốc H phải trả lại cho ông Lê Trung H phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 186,4m² đất thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415QSĐĐ/329 ngày 11/6/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Lê Trung H đứng tên chủ sử dụng đất. Phần đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đất của Mai Thị Tám

Tây và Bắc giáp phần còn lại của thửa số 885

Nam giáp Quốc lộ 1A.

(Phần đất có sơ đồ kèm theo)

Ông Lê Trung H được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu đối với căn nhà có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách ván, nền xi măng, mái tole diện tích 44,1m² và 01 quán giải khát có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, 01 vách tường, 01 vách lá, 01 vách tole, 01 vách nhờ, nền xi măng, mái tole sóng vuông diện tích 74,42m² cất trên phần đất nêu trên.

Ông Lê Trung H có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lê Văn M và chị Lê Thị Hồng Y giá trị quán giải khát là 52.094.000đồng và hoàn trả cho những người thừa kế của ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị B là chị Lê Thị Hồng Y, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Ngọc S, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ, bà

Nguyễn Thị Tuyết M, anh Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Nhật T và chị Nguyễn Thị Thanh T giá trị căn nhà là 21.609.000đồng.

Thời gian thực hiện việc giao đất cùng tài sản trên đất nêu trên được thực hiện vào lúc sau khi án có hiệu lực pháp luật 06 tháng. Thời gian thực hiện việc giao các khoản tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Hồng Y, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Ngọc S, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị Tuyết M, anh Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Nhật T và chị Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Trung H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Chị Lê Thị Hồng Y, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Ngọc S và cháu Lê Quốc H được lưu cư tại phần đất nêu trên trong thời hạn là 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Lê Thị Hồng Y có đơn kháng cáo ghi ngày 06/10/2020 yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm;**

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hồng Y, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trung H giao cho hộ ông Lê Văn M 90m² (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022 có kí hiệu là T7) tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng Y nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Phần đất tranh chấp có diện tích thực đo là 186,4m² (nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 1A) thuộc thửa đất số 885, tờ bản đồ số 03 tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415/QSĐĐ/329 ngày 11/6/2001 cho hộ ông Lê Trung H đứng tên chủ sử dụng đất. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách ván, nền xi măng, mái tole diện tích 44,1m² và 01 quán giải khát có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, 01 vách tường, 01 vách lá, 01 vách tole, 01 vách nhờ, nền xi măng, mái tole sóng vuông diện tích 74,42m².

Quá trình tố tụng, hai bên thống nhất: 01 căn nhà thuộc quyền sở hữu của cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B, hiện nay do hộ ông Lê Văn M (gồm Lê Văn M, Lê Thị Hồng Y, Lê Thị Kim L, Lê Thị Ngọc S, Lê Quốc H) quản lý, sử dụng và 01 quán nước thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn M và Nguyễn Thị Hồng Yến; phần đất tranh chấp 186,4m² hiện do hộ ông Lê Văn M quản lý, sử dụng.

Theo văn bản số 2706/UBND-TD ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:

“Theo mục kê 299 lập năm 1985, phần đất đang tranh chấp nằm trên 02 thửa đất gồm 01 phần của thửa số 08, diện tích 7.562m² loại đất thổ cư, chủ sử dụng đất là Khu bao và 01 phần thửa số 442a, diện tích 5.000m² chủ sử dụng là Lê Văn D.

Theo hồ sơ bản đồ tỉ lệ 1/5.000 phần đất đang tranh chấp là 01 phần của thửa số 885, tờ bản đồ số 03 diện tích 2.337m², loại đất T+Q được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415 ngày 11/6/2001 cho ông Lê Trung H.”

Theo hồ sơ bồi thường giải tỏa thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn Trung Lương – Mỹ Thuận) năm 2005 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cung cấp, thì: biên bản kiểm kê ngày 22/02/2005 đối với chủ sở hữu ông Lê Trung H có diện tích đất được cấp 2337m² theo giấy cấp đất số 02415 ngày 11/6/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp, bị thu hồi 87,3m², còn lại 2249,7m², biên bản kiểm kê cùng ngày đối với chủ sở hữu là ông Lê Văn M chỉ thể hiện diện tích đất thu hồi là 44m² và không có nội dung còn lại.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ngày 16/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thì: Hồ sơ đăng ký cấp quyền sử dụng đất của ông Lê Trung H được Hội đồng xét cấp duyệt theo quy định, đã được niêm yết công khai và không ghi nhận khiếu nại của người khác. Khi tiến hành lập thủ tục xem xét hỗ trợ, đền bù giải tỏa thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, ông Lê Trung H có cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 885 bao gồm phần đất gia đình ông Lê Văn M quản lý sử dụng. Hội đồng bồi thường giải tỏa có động viên ông Lê Trung H cho gia đình ông Lê Văn M được nhận tiền đền bù vì gia đình ông Lê Văn M đang quản lý đất, ông Lê Trung H đồng ý nên Hội đồng có hướng dẫn ông Lê Văn M làm đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 12/02/2005 để bổ sung hồ sơ. Thời điểm này ông Lê Văn M đã được biết ông Lê Trung H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo văn bản 89/UBND-ĐC ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, ông Huỳnh Công D (nguyên là tập đoàn trưởng tập đoàn 8 thuộc ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cho biết Ban quản lý T ập đoàn chỉ đại diện cho hộ dân mua thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sản xuất nông nghiệp, đất của hộ dân không phải đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp để sử dụng chung trong quá trình thực hiện chính sách hợp tác hóa nông nghiệp.

Ngoài ra, theo xác nhận của những người làm chứng ông Trịnh Văn Phụng, ông Trần Văn Nhâm (thành viên Ban sản xuất ấp Mới xã Long Định huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang trước đây) và ông Lê Văn No (Trưởng ấp Mới trước đây), phần đất này có nguồn gốc của cụ Lê Văn Thảo (cha ông Lê Trung H) để lại cho ông Lê Văn D (anh ông H) và sau đó ông Lê Văn D để lại cho ông Lê Trung H. Năm 1980, ông Lê Trung H có đòi lại đất, nhưng cụ Lê Văn S Sở và cụ Nguyễn Thị B xin ở lại hết đời mình. Đồng thời, qua hòa giải được Ủy ban nhân dân xã Long Định huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tổ chức, thành viên trong ban hòa giải có ý kiến xác định nguồn gốc đất là của gia đình ông Lê Trung H để lại cho ông Lê Trung H. Bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M cho rằng không biết nguồn gốc phần đất này là của ai và cũng không nghe cha mẹ nói lại là của ai, cha mẹ của ông, bà khi tản cư đã được nhà nước chế độ cũ giao phần đất nêu trên vào khoảng năm 1961 và cha mẹ của ông, bà đã cất nhà ở cho đến nay, nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh phần đất này được chính quyền chế độ cũ hay được Nhà nước giao hay cấp cho cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B.

Trong quá trình sử dụng đất, tuy ông Lê Văn M, bà Lê Thị Hồng Y có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước, có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng theo lời khai của ông Phạm Văn Sơn (cán bộ thu thuế ấp Mới) ngày 31/10/2019 xác định theo quy định của pháp luật về thuế phi nông nghiệp thì hộ

dân nào có nhà trên đất là phải chịu khoản thuế này mà không phụ thuộc hộ dân đó có quyền sử dụng đất hay không, nên bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M đang có nhà trên đất thì phải nộp thuế phi nông nghiệp.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy, việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Trung H, không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B và đòi di sản thừa kế của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố đòi lại quyền sử dụng đất của bị đơn là đúng Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai và Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, gia đình cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ trước năm 1975, sau này là bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M quản lý sử dụng, tính đến thời điểm khởi kiện tranh chấp đã trên 30 năm. Quá trình quản lý sử dụng, phía gia đình cụ Lê Văn S, cụ Nguyễn Thị B, bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M có công sức giữ gìn, cải tạo, bồi thổ, sang lấp mặt bằng làm tăng giá trị đất. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu đòi di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của nguyên đơn, yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng chưa xem xét công sức của cụ Lê Văn S, cụ Nguyễn Thị B, bà Lê Thị Hồng Y, ông Lê Văn M là chưa giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hồng Y, sửa một phần bản án sơ thẩm về nhu cầu sử dụng đất và giá trị công sức cho gia đình cụ Lê Văn S, cụ Nguyễn Thị B, bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Trung H tự nguyện giao cho hộ ông Mai 90m² đất tranh chấp (phần đất ký hiệu T7 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022) để bồi hoàn công sức giữ gìn, cải tạo, bồi thổ, sang lấp mặt bằng làm tăng giá trị đất và nhu cầu về chỗ ở cho hộ ông Lê Văn M. Xét thấy, sự tự nguyện của ông Lê Trung H phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi của hộ ông Lê Văn M và bà Lê Thị Hồng Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý tài sản trên đất tranh chấp:

- Đối với 01 quán giải khát được xây cất trên phần đất 90m² (ký hiệu T7 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022) thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn M và bà Lê Thị Hồng Y, do ông Lê Trung H tự nguyện giao phần đất này cho hộ ông Lê Văn M và bà Lê Thị Hồng Y nên bà Lê Thị Hồng Y và ông Lê Văn M tiếp tục quản lý, sử dụng nên không xem xét xử lý.

- Đối với 01 căn nhà được xây cất trên phần đất còn lại (ký hiệu T5, T6 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022) thuộc quyền sở hữu của cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B, do phải giao trả đất cho ông Lê Trung H nên cần buộc hộ ông Lê Văn M, bà Lê Thị Hồng Y tháo dỡ, di dời để giao trả đất cho ông Lê Trung H.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc xem xét thẩm định tại chỗ, xác định thửa đất tranh chấp có hướng Đông giáp với thửa đất của bà Mai Thị Tám, nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp phúc thẩm thì thửa đất tranh chấp có hướng Đông giáp với cống thoát nước. Xét thấy, việc thiếu sót của cấp sơ thẩm không làm thay đổi kết quả xét xử, vẫn đảm bảo quyền lợi của các đương sự, do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế sử dụng đất của các bên.

Do phần đất hộ ông Lê Trung H giao cho hộ ông Lê Văn M nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 1A, nên hộ ông Lê Trung H và hộ ông Lê Văn M có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai về hành lang bảo vệ an toàn công trình.

[4]. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm, do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng Y không được Hội đồng xét xử chấp nhận, do vậy bà Lê Thị Hồng Y phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 14.400.000 đồng. Chuyển toàn bộ số tiền 14.400.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng mà bà Lê Thị Hồng Y đã nộp thành chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lê Thị Hồng Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; và xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Hồng Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Bản án sơ thẩm bị sửa một phần do phát sinh tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm vụ án nên thuộc trường hợp khách quan, không do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hồng Y.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 303/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ các khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166 của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Y đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 186,4m² đất thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị B.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Trung H.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trung H giao cho hộ ông Lê Văn M (gồm: Lê Thị Hồng Y, Lê Văn M, Lê Thị Kim L, Lê Thị Ngọc S và Lê Quốc H) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 90m² (ký hiệu T7 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022) thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03 tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415QSDĐ/329 ngày 11/6/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Lê Trung H (kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

Buộc hộ ông Lê Văn M (gồm: Lê Thị Hồng Y, Lê Văn M, Lê Thị Kim L, Lê Thị Ngọc S và Lê Quốc H) tháo dỡ, di dời 01 căn nhà (kết cấu: cột bê tông đúc sẵn, vách ván, nền xi măng, mái tole) và toàn bộ tài sản để trả lại cho hộ ông Lê Trung H phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 96,4m² đất (ký hiệu T5, T6 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2022) thuộc một phần của thửa 885, tờ bản đồ số 03 tại ấp M, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02415QSDĐ/329 ngày 11/6/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Lê Trung H (kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

Hộ ông Lê Trung H và hộ ông Lê Văn M có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai về hành lang bảo vệ an toàn công trình.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hồng Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Hồng Y 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003289 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Lê Thị Hồng Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Yến đã nộp theo biên lai thu số 0008782 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nộp án phí.

Trả lại ông Lê Trung H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0008954 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy